

Bản án số: 116/2022/DS-PT
Ngày 03 - 3 - 2022
V/v: Tranh chấp về quyền sử dụng
đất và yêu cầu hủy giấy CN QSD đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 28/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy CN QSD đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2020/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2020 của tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 524/2021/DS-PT ngày 23 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Số 1174/59, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

1.2. Bà Nguyễn Thị Kim Ngh, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: 117/4, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt). *Đại diện theo ủy quyền:* anh Lý Hoàng T, sinh năm 1971 (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/2/2022).

1.3. Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Tổ 8, ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

1.4. Ông Nguyễn Thanh G, sinh năm 1975; (vắng mặt).

1.5. Ông Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1986; (vắng mặt).

1.6. Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1988; (vắng mặt).

1.7. Ông Nguyễn Thanh Th1, sinh năm 1991; (vắng mặt).

1.8. Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh G, ông Nguyễn Thanh Th, bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Nguyễn Thanh Th1, ông Nguyễn Thanh D: Ông Nguyễn Văn Đ (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/9/2016, có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ: Luật sư Nguyễn Đức K, Văn phòng Luật sư Nguyễn Đức K thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; Địa chỉ: Số 24 Lê Văn Nhung, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Văng Văn X, sinh năm 1951 (có mặt).

2.2. Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Cùng trú tại: Số 39 đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Văng Văn X và bà Nguyễn Thị Bé T: Ông Lại Văn G, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Số 41/9C đường N, khóm N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/8/2016, ngày 03/7/2018, có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Văn Th, sinh năm 1967; (vắng mặt).

3.2. Bà Trần Tô Thị N, sinh năm 1974; (vắng mặt).

Cùng trú tại: Số 706B đường H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.3. Ông Lê Văn L, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Số 54G1 đường L, khu đô thị S, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

3.4. Ông Lê Văn Th1, sinh năm 1950; (vắng mặt).

3.5. Bà Lê Thị Th, sinh năm 1952; (vắng mặt).

Cùng trú tại: Số 69F2, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.6. Bà Lê Thị Th1, sinh năm 1942; Nơi cư trú: Thôn 2, xã Xuân Thịnh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của các ông Lê Văn Th, bà Trần Tô Thị N, ông Lê Văn L, ông Lê Văn Th1, bà Lê Thị Th, bà Lê Thị Th1: Ông Hoàng Mỹ Th, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Số 85E3, khu đô thị S, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/01/2018; có mặt).

3.7. Ông Vũ Văn T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Số 77F1 đường số 18, khu đô thị S, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3.8. Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Số 1174/59, khóm B 5, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3.9. Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang; địa chỉ trụ sở: Số 99 N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố L: Ông Phạm Thành Th, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L (có đơn xin xử vắng mặt, ngày 24/2/2022).

3.10. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A; địa chỉ trụ sở: Số 169 T, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị Kim Ngh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị Kim Ngh, ông Nguyễn Thanh G, ông Nguyễn Thanh Th, bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Nguyễn Thanh Th1, ông Nguyễn Thanh D cùng trình bày:

Cụ Nguyễn Văn H và cụ Võ Thị B (sau đây gọi tắt là cụ H, cụ B) được thừa hưởng của Ông, Bà mảnh đất khoảng 3.000m² tại phường Bình Đức (nay là phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang). Năm 1980, Nhà nước cấp giấy bao nên mảnh đất còn lại diện tích 2.284m². Ngày 09/3/1990, cụ B lập Bản kê khai ruộng đất xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSD đất) diện tích 2.284m², loại đất 2L (đất trồng lúa) và được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt ngày 16/3/1990.

Năm 1997 cụ B chết, hàng thừa kế của cụ B lập văn bản thỏa thuận chuyển nhượng diện tích 2.284m² (đất 2L) cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị Ph (là con và dâu của cụ H và cụ B); Ngày 14/10/1998, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thị xã Long Xuyên cấp quyền sử dụng cho ông Nguyễn Văn Đ diện tích 2.284m² đất 2L.

Năm 1999, ông Nguyễn Văn Đ chuyển nhượng phần đất trên cho vợ chồng ông Văng Văn X, bà Nguyễn Thị Bé T diện tích 2.284m² (đất 2L) với số vàng là 49 chỉ vàng 24 kara.

Các nguyên đơn cho rằng, ngoài diện tích 2.284m², cụ H và cụ B có khoảng 400m² đất là bờ kênh (chưa được cấp GCN QSD đất) liền kề với đất tranh chấp. Khi ông Nguyễn Văn Đ giao 2.284m² đất 2L cho ông Văng Văn X và bà Nguyễn Thị Bé T, ông Nguyễn Văn Đ có nói miệng là đồng ý cho ông Văng Văn X, bà Nguyễn Thị Bé T sử dụng khoảng 400m² đất là bờ kênh, nếu ông Văng Văn X, bà Nguyễn Thị Bé T có bán cho người khác hoặc đất nằm trong quy hoạch thì phải tính lại với Nguyễn Văn Đ.

Năm 2009, ông Văng Văn X và bà Nguyễn Thị Bé T kê khai biến động tăng diện tích đất thành 2.722,5m² theo 03 GCN QSD đất số: H.05578mA (diện tích 423,1m² đất SKC); số: H.05309mA (diện tích 2.099,4m² đất CLN); H.05577mA (diện tích 200m² đất ODT) cùng ngày 04/6/2009, trong đó phần diện tích đất tăng khoảng 400m² là đất bờ kênh có nguồn gốc là của cụ H và cụ B.

Năm 2015, ông Văng Văn X, bà Nguyễn Thị Bé T đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích 2.722,5m² đất cho những người có tên sau đây: Vợ chồng ông Lê Văn Th, bà Trần Tô Thị N; ông Lê Văn L; bà Lê Thị Th1; vợ chồng ông Lê Văn Th1, bà Lê Thị Th.

Qua đo đạc thực tế, phần đất bờ kênh của cụ H và cụ B có diện tích 347,6m² theo Bản trích đo địa chính của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh Long Xuyên lập ngày 20/11/2017.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

- Buộc ông Văng Văn X và bà Nguyễn Thị Bé T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn diện tích 347,6m² đất.

- Hủy các GCN QSD đất đã cấp cho ông Văng Văn X và bà Nguyễn Thị Bé T; ông Lê Văn Th và bà Trần Tô Thị Ngh; ông Lê Văn L; bà Lê Thị Th1; ông Lê Văn Th1 và bà Lê Thị Th.

Theo bản tường trình và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Văng Văn X, bà Nguyễn Thị Bé T và người đại diện hợp pháp của ông Văng Văn X, bà Nguyễn Thị Bé T trình bày:

Nguyễn Văn Đ chuyển nhượng diện tích 2.284m² đất 2L cho ông Văng Văn X, bà Nguyễn Thị Bé T với 49 chỉ vàng 24 kara theo Biên nhận đề ngày 28/4/1998 và Tờ sang nhượng đất ruộng đề ngày 29/11/1998. Ông Văng Văn X và bà Nguyễn Thị Bé T đã giao đủ số vàng cho Nguyễn Văn Đ nhận, Nguyễn Văn Đ đã giao đất cho ông Văng Văn X và bà Nguyễn Thị Bé T sử dụng từ năm 1998. Năm 1999, bà Nguyễn Thị Bé T được cấp GCN QSD đất diện tích 2.284m². Quá trình sử dụng đất, ông Văng Văn X và bà Nguyễn Thị Bé T nhiều lần bồi đắp, cải tạo toàn bộ khu đất nên ông Văng Văn X và bà Nguyễn Thị Bé T đăng ký kê khai biến động tăng diện tích 438,5m² và chuyển mục đích sử dụng đất. Ông Văng Văn X và bà Nguyễn Thị Bé T được cấp GCN QSD đất số: H05309mA ngày 18/02/2009 diện tích 2.722,5m² đất CLN.

Năm 2015, ông Văng Văn X, bà Nguyễn Thị Bé T chuyển nhượng toàn bộ 2.722,5m² đất cho những người có tên như sau: Vợ chồng ông Lê Văn Th, bà Trần Tô Thị Ngh; ông Lê Văn L; bà Lê Thị Th1; vợ chồng ông Lê Văn Th1, bà Lê Thị Th, thủ tục chuyển nhượng đã hoàn thành. Nay ông Văng Văn X và bà Nguyễn Thị Bé T không thừa nhận phần diện tích đất tăng là của nguyên đơn nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn Th, ông Lê Văn L, ông Lê Văn Th1, bà Lê Thị Th1 và người đại diện hợp pháp trình bày: Các ông, bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Văng Văn X, bà Nguyễn Thị Bé T từ năm 2015, thủ tục chuyển nhượng hợp pháp và đã hoàn thành, các bên đã giao nhận đủ tiền và giao đất cho các ông, bà sử dụng ổn định từ năm 2015 đến nay. Nay các ông, bà không đồng ý hủy GCN QSD đất do các ông, bà đứng tên.

- UBND thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang trình bày: Ngày 07/6/1999, UBND thành phố Long Xuyên cấp GCN QSD đất số 00116.QSDĐ/Ea do bà Nguyễn Thị Bé T đứng tên diện tích 2.284m² đất 2L thuộc thửa số 624, tờ bản đồ số 04 tọa lạc phường Bình Khánh. Ông Văng Văn X, bà Nguyễn Thị Bé T đăng ký biến động tăng diện tích đất và chuyển mục đích sử dụng đất diện tích 2.722,5m² nên UBND thành phố Long Xuyên cấp GCN QSD đất số H05309mA ngày 18/02/2009 cho ông Văng Văn X và bà Nguyễn Thị Bé T đứng tên diện tích 2.722,5m² đất CLN. Năm 2015 ông Văng Văn X, bà Nguyễn Thị Bé T chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất cho: Ông Lê Văn L; ông Lê Văn Th và bà Trần Tô Thị Ngh; ông Lê Văn Th1 và bà

Lê Thị Th; bà Lê Thị Th1 nên UBND thành phố Long Xuyên thực hiện thủ tục cấp GCN QSD đất và chuyển quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật.

- *Sở TN – MT tỉnh A trình bày:* việc thực hiện cấp đổi GCN QSD đất cho bà Lê Thị Th1 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 37 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Tại bản án dân sự số 32/2020/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1, khoản 3 Điều 27 của Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị Kim Ngh, Nguyễn Thanh G, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Thị Kim Th, Nguyễn Thanh Th1, Nguyễn Thanh D đối với bị đơn: Văng Văn X và Nguyễn Thị Bé T về tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 347,6m² tại khóm Bình Khánh 5, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn: Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị Kim Ngh, Nguyễn Thanh G, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Thị Kim Th, Nguyễn Thanh Th1, Nguyễn Thanh D về yêu cầu hủy 03 (ba) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho ông Văng Văn X, bà Nguyễn Thị Bé T gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H.05578mA ngày 04/6/2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H.05577mA ngày 04/6/2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H.05309mA ngày 04/6/2009.

3. Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn: Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị Kim Ngh, Nguyễn Thanh G, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Thị Kim Th, Nguyễn Thanh Th1, Nguyễn Thanh D về yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH07124 ngày 13/11/2015 và CH07382 ngày 25/12/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho ông Lê Văn Th và bà Trần Tô Thị N; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH07383 ngày 25/12/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho ông Lê Văn L; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH07384 ngày 25/12/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho bà Lê Thị Th1; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH07385 ngày 25/12/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp cho ông Lê Văn Th1 và bà Lê Thị Th.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 19/8/2020 các nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị Kim Ngh kháng cáo bản án sơ thẩm số 32/2020/DS-ST của Tòa án nhân

dân tỉnh An Giang, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Các nguyên đơn kháng cáo có thay đổi yêu cầu kháng cáo là đề nghị hủy án sơ thẩm; Lý do: Phần đất tranh chấp là của nguyên đơn, nằm ngoài diện tích chuyển nhượng cho bị đơn. Vì vậy, cần định giá lại tài sản tranh chấp để tính bồi thường thiệt hại;

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyễn Văn Đ cho rằng phần đất thừa diện tích 347,6m² là của các nguyên đơn, đề nghị công nhận cho nguyên đơn; Do hiện nay phần đất đã chuyển nhượng hết cho người khác nên đề nghị hủy án sơ thẩm để định giá làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe quan điểm Viện kiểm sát, Luật sư, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về nguồn gốc đất: Các nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận là của nguyên đơn được thừa hưởng do ông bà để lại và đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể: Ngày 09/3/1990, cụ B kê khai ruộng đất xin cấp GCN QSD đất diện tích 2.284m² đất 2L và được Hội đồng ruộng đất xã xét duyệt ngày 16/3/1990. Cụ B chết năm 1997, cụ H (là chồng của cụ B) và cùng các con thống nhất chuyển quyền sử dụng diện tích 2.284m² đất 2L cho con là Nguyễn Văn Đ và đã được UBND thị xã L cấp quyền sử dụng đất năm 1998.

Như vậy, diện tích đất ngay từ khi ban đầu (năm 1990) do cụ B kê khai chỉ có 2.284m² đất và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận cấp QSD đất. Sau khi cụ B chết (năm 1997), quyền sử dụng 2.284m² đất 2L chuyển sang cho Nguyễn Văn Đ. Ngoài ra, cụ B và cụ H không đăng ký, kê khai thêm phần đất nào liền kề phần diện tích 2.284m² đất 2L. Đến năm 1998, Nguyễn Văn Đ chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho ông Văng Văn X, bà Nguyễn Thị Bé T sử dụng; Các nguyên đơn cũng không cung cấp được giấy tờ gì chứng minh có phần đất liền kề phần đất đã chuyển nhượng nhưng chưa kê khai đăng ký.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của các nguyên đơn, thấy rằng:

Diện tích đất đang tranh chấp diện tích 347,6m² là đất bờ đê, nguyên đơn yêu cầu công nhận cho nguyên đơn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp.

Tòa sơ thẩm căn cứ vào quá trình sử dụng đất, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tài chính; được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định diện tích tăng thêm là do biến động về đất đai, việc cấp GCN QSD đất diện tích 2.722,5m² cho ông Văng Văn X và bà Nguyễn Thị Bé T; việc cấp GCN QSD đất cho ông Lê Văn Th1 và bà Lê Thị Th; ông Lê Văn Th và bà Trần Tô Thị Ngh; bà Lê Thị Th1; ông Lê Văn L theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy, quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên những người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, do ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị Kim Ngh là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

[5]. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị Kim Ngh. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2020/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Thị Kim Ngh, Nguyễn Thanh G, Nguyễn Thanh Th, Nguyễn Thị Kim Th, Nguyễn Thanh Th1, Nguyễn Thanh D về việc buộc bị đơn ông Văng Văn X và bà Nguyễn Thị Bé T có nghĩa vụ trả cho các nguyên đơn diện tích đất 347,6m² tại khóm Bình Khánh 5, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Văng Văn X và bà Nguyễn Thị Bé T; ông Lê Văn Th và bà Trần Tô Thị N; ông Lê Văn L; bà Lê Thị Th1; ông Lê Văn Th1 và bà Lê Thị Th.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng Nguyễn Văn Đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 005297 ngày 19/08/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang được đối trừ. Ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị Kim Ngh được miễn án phí. Số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị Kim Ngh đã dự nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 005298. 005299 ngày 19/08/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang được nhận lại.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ (1), VP(3), 33b (PMT);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chung Văn Kết